



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02839/2025/PKQ (25.790)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 11/06/2025
Thời gian thử nghiệm: 11/06/2025 – 27/06/2025
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải tại sân phơi của hệ thống xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A
Toạ độ: X: 1176496 Y: 420467

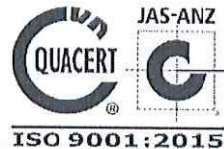
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,60	
1	pH ^(b)	-	7,3	2,0 - 12,5	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Asen (As) ^(b)	ppm	0,22	24,8	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
3	Bari (Ba) ^(b)	ppm	4,17	1.240	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
4	Bạc (Ag) ^(b)	ppm	14,16	62	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Cadimi (Cd) ^(b)	ppm	0,02	6,2	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
6	Chì (Pb) ^(b)	ppm	0,31	186	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Coban (Co) ^(b)	ppm	0,29	992	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zn) ^(b)	ppm	265,84	3.100	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
9	Niken (Ni) ^(b)	ppm	1,35	868	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Selen (Se) ^(b)	ppm	1,4	12,4	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
11	Thủy ngân (Hg) ^(b)	ppm	KPH (MDL = 0,01)	2,48	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
12	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	ppm	KPH (MDL = 6)	62	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,60	
13	CN ^(d)	ppm	KPH (MDL = 0,2)	365,8	US EPA 9013A + US EPA 9010C + US EPA 9014
14	Tổng dầu ^(b)	ppm	KPH (MDL = 20)	620	US EPA Method 9071B
15	Phenol ^(d)	ppm	KPH (MDL = 0,007)	12.400	US EPA 3550C + US EPA 3650C + US EPA 8041A
16	Benzen ^(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	6,2	US EPA 5021A + US EPA 8260D
17	Clobenzen ^(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	868	US EPA 5021A + US EPA 8260D
18	Toluen ^(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	12.400	US EPA 5021A + US EPA 8260D
19	Naptalen ^(d)	ppm	KPH (MDL = 0,5)	620	US EPA 5021A

Ghi chú: KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Thời gian lấy mẫu: 09h50' ngày 11/06/2025

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 13,15,16,17,18 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện; chỉ tiêu số 19 do Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 3 - 078 thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.